

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

Số: 41/2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Xét Tờ trình số 1453/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên (sau đây viết tắt là HLV, VĐV) đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực

và toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Thể dục thể thao hoặc Liên đoàn thể thao Quốc gia tổ chức (*sau đây gọi tắt là giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc*), gồm:

a) Giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao: Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao; giải thi đấu, trận thi đấu do Liên đoàn thể thao Quốc gia tổ chức.

b) Giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng: Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc; Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch; giải thi đấu quần chúng từng môn thể thao khu vực và toàn quốc.

2. Đối tượng áp dụng

a) HLV, VĐV là công dân Việt Nam được triệu tập tập huấn, thi đấu cho đoàn thể thao tỉnh Cao Bằng theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền và lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc.

b) Cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng HLV, VĐV tham gia thi đấu tại các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc.

3. Mức tiền thưởng

a) Mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao khu vực và toàn quốc:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Giải thi đấu	Thành tích			Phá kỷ lục Thưởng thêm
		Huy chương Vàng <i>(Giải Nhất)</i>	Huy chương Bạc <i>(Giải Nhì)</i>	Huy chương Đồng <i>(Giải Ba)</i>	
I	Giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao				
1	Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	15.000.000	10.000.000	7.000.000	+7.000.000
2	Giải Vô địch quốc gia từng môn thể thao.	8.000.000	6.000.000	4.000.000	+4.000.000
3	Giải đấu từng môn thể thao; giải câu lạc bộ; giải cúp; giải các đội mạnh (<i>nội dung thi đấu không phân chia theo lứa tuổi</i>)	6.000.000	4.000.000	3.000.000	+3.000.000
4	Giải vô địch trẻ quốc gia từng môn thể thao; giải câu lạc bộ; giải cúp; giải các đội mạnh (<i>có nội dung thi đấu theo lứa tuổi</i>)				

TT	Giải thi đấu	Thành tích			Phá kỷ lục Thưởng thêm
		Huy chương Vàng <i>(Giải Nhất)</i>	Huy chương Bạc <i>(Giải Nhì)</i>	Huy chương Đồng <i>(Giải Ba)</i>	
4.1	Lứa tuổi 18 đến 21	4.000.000	3.000.000	2.000.000	+2.000.000
4.2	Lứa tuổi 16 đến 18	3.200.000	2.400.000	1.600.000	+1.600.000
4.3	Lứa tuổi 12 đến 16	2.400.000	1.800.000	1.200.000	+1.200.000
4.4	Lứa tuổi dưới 12	1.600.000	1.200.000	800.000	+800.000
II	Giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng				
1	Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc; Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch; giải thi đấu quần chúng từng môn thể thao	3.000.000	2.000.000	1.000.000	

b) Đối với các môn thể thao tập thể, số lượng vận động viên được thưởng khi đạt thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

d) Mức thưởng đối với huấn luyện viên

Đối với thi đấu cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Trường hợp huấn luyện viên có vận động viên đạt nhiều huy chương tại một giải thể thao thì ngoài mức thưởng chung của một thành tích cao nhất, huấn luyện viên được thưởng thêm 30% tổng mức thưởng các huy chương đạt được còn lại tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Đối với thi đấu tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng đối với vận động viên đạt giải tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Trường hợp huấn luyện viên có đội, đôi vận động viên đạt nhiều huy chương tại một giải thể thao thì ngoài mức thưởng chung của một thành tích cao nhất, huấn luyện viên được thưởng thêm 30% tổng mức thưởng các huy chương đạt được còn lại tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Số lượng huấn luyện viên được quy định theo mức sau: đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 02 đến 05 vận động viên tham gia thi đấu mức

thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 06 đến 10 vận động viên tham gia thi đấu mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 11 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 16 vận động viên trở lên mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên.

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng người được hưởng theo quy định đối với thi đấu tập thể tại điểm d khoản 3 Điều này nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định điểm a khoản 3 Điều này.

e) Đối với các nội dung khen thưởng HLV, VĐV đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia không có trong Nghị quyết này thì áp dụng theo Nghị định số 152/2018/ND-CP ngày 07 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với HLV, VĐV thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chi trả tiền thưởng theo quy định tại Nghị quyết này được bố trí trong dự toán ngân sách sự nghiệp thể dục thể thao hằng năm theo quy định pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê